

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST

Ngày 14 – 11 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Xuân

Ông Nguyễn Văn Khỏe

Ông Nguyễn Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Châu Minh Kh, sinh năm 1966 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Số 02, đường 30/4, Khóm 7, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Châu Ngọc Đ và bà Trương Ngọc Đ; vợ Lý Thị M và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2023 đến 13/9/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Khánh D – Luật sư, Văn phòng luật sư Mũi Cà Mau thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Quang T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số 33/4, đường Lâm Thành Mậu, Khóm 4, Phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị M, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 02, đường 30/4, Khóm 7, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng bị cáo Châu Minh Kh có phần đất 3216,5m² tại ấp Bến Gõ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Ngày 24/4/2020, Kh đã bán (chuyển nhượng) phần đất trên cho vợ chồng ông Võ Hoàng A. Đất đã bán nhưng Kh vẫn dẫn ông T đến xem đất và nhờ ông T tìm người thuê hoặc bán phần đất này. Tháng 11/2020, Kh tiếp tục dẫn ông T đến xem đất và kêu bán phần đất giá 600.000.000đ, ông T yêu cầu được xem Giấy tờ thì Kh nói dối là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt CNQSD đất) đã cầm cố (không nói cầm cho ai). Ngày 27/01/2021, Kh và ông T gặp nhau tại quán cà phê Coffee Biker (đường 30/4, Phường 5, thành phố Cà Mau), Kh đưa hình chụp mặt trong Giấy CNQSD đất (có ghi thông tin về thửa đất, tờ bản đồ, diện tích) cho ông T xem, ông T đồng ý mua và đã giao đủ 600.000.000đ cho Kh tại quán cà phê Coffee Biker. Ông T yêu cầu Kh viết biên nhận có bà Lý Thị M (vợ Kh) ký tên nên Kh và ông T về nhà Kh (số 02, đường 30/4, Khóm 7, Phường 5, thành phố Cà Mau). Kh viết biên nhận, nội dung: “Ngày 27/01/2021 ... vợ chồng tôi có bán cho em T thửa đất số 43, TĐĐ 25, diện tích 3216,5m² với giá 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), hứa ngày 03/02/2021 sẽ hỗ trợ em T làm hoàn tất giấy tờ chuyển nhượng” đưa cho bà M và kêu bà M ký tên vào giấy để bị cáo thực hiện việc đáo nợ Ngân hàng. Bà M tin lời Kh nói, không xem nội dung và ký tên vào giấy.

Đến ngày 03/02/2021, ông T liên hệ với bị cáo Kh thì không liên lạc được. Lúc này, ông T cũng phát hiện phần đất trên Kh đã bán cho người khác nên ông trình báo Công an.

Cáo trạng số 68/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Châu Minh Kh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù 07 năm đến 08 năm tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã bồi thường đủ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị hại không yêu cầu về dân sự nên không giải quyết.

- *Người bào chữa*: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Song, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã bồi thường đủ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có cha ruột, chú ruột, cậu ruột là liệt sỹ; mẹ ruột là thương binh; bà nội là Mẹ Việt Nam Anh Hùng; Bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại xuất phát do phương pháp huy động vốn không đúng. Bên cạnh đó do làm ăn kinh tế bị thất bại, dịch bệnh từ đó bị cáo mất cân đối về tài chính. Nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội cũng vì do làm ăn phát triển kinh tế và có nguyên nhân khách quan. Như vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, x

khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt ở mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

- *Bị cáo*: Thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa; Bị cáo là lao động chính trong gia đình; mọi hoạt động kinh tế của gia đình đều do bị cáo tính toán và thực hiện; Bị cáo đi tù gia đình của bị cáo rơi vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn; Bị cáo rất hối hận việc đã làm, vì tính toán sai bị cáo vi phạm pháp luật; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

- *Bà M*: Không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người bào chữa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh

Bị cáo Kh có phần đất 3.216,5 m² tại ấp Bến Gõ, xã Hồ Thị Kỷ, thành phố Cà Mau bị cáo đã bán cho vợ chồng ông Võ Hoàng A từ tháng 4/2020. Do cần số tiền lớn để chi tiêu cho việc nuôi tôm công nghiệp, chi xài nên bị cáo Kh đã lừa dối ông T tiếp tục bán phần đất trên để chiếm đoạt tiền của ông T. Bị cáo đã hai lần dẫn ông T đến phần đất 3.216,5 m² và kêu bán đất, ông T tin lời của bị cáo nên đồng ý mua.

Ngày 27/01/2021, tại Quán cà phê Coffee Biker (đường 30/4, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau) bị cáo đã thỏa thuận bán phần đất trên cho ông T với giá 600.000.000đ và bị cáo đã nhận đủ tiền. Ông T yêu cầu được xem Giấy CNQSD đất thì bị cáo nói dối là Giấy đang cầm cho người khác nên chỉ cho ông T xem trên điện thoại hình mặt sau Giấy CNQSD đất (ghi thông tin về thửa đất, tờ bản đồ và diện tích đất).

Hành vi bị cáo dẫn ông T đi xem đất, cho ông T xem hình ảnh mặt sau Giấy CNQSD đất là hành vi đưa ra thông tin gian dối để lừa gạt ông T, ông T tin những thông tin mà bị cáo cung cấp là thật, tin phần đất trên bị cáo đang là chủ sử dụng đất nên đồng ý mua và đã giao 600.000.000đ cho bị cáo. Hành vi này của bị cáo là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vi phạm pháp luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 68/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Châu Minh Kh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a

khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cho việc nuôi tôm nên bị cáo đã nảy sinh ý thức gian dối chiếm lấy tiền của bị hại; Bị cáo thực hiện hành vi tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội có thời hạn nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đồng thời, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến điều kiện và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã bồi thường đủ (600.000.000đ) số tiền chiếm đoạt cho bị hại. Bị cáo có cha ruột, chú ruột và cậu ruột đều là liệt sỹ; Mẹ ruột của bị cáo là thương binh 4/4 và bị cáo có bà nội là Mẹ Việt Nam Anh Hùng; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt ở mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4]. Đối với bà Lý Thị M: Bà M có ký tên vào Tờ biên nhận 600.000.000đ mà bị cáo viết để nhận tiền của ông T. Các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Bà M biết phần đất 3.216,5m² bị cáo Kh có chuyển nhượng cho người khác nhưng bà không biết rõ người nhận chuyển nhượng. Bà ký tên vào biên nhận là theo sự chỉ dẫn của bị cáo Kh nhưng bà không biết là để lừa dối ông T. Bà M cũng không biết và không có chi dùng số tiền 600.000.000đ mà bị cáo chiếm đoạt. Chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được không đủ căn cứ xác định bà M là đồng phạm với bị cáo Kh nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà M là có cơ sở.

[5] Trách nhiệm dân sự

Bị cáo đã nộp đủ 600.000.000đ để bồi thường cho bị hại, số tiền này hiện nay Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại xong, bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu án phí 200.000đ.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Trách nhiệm hình sự

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Châu Minh Kh phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Tuyên phạt: Bị cáo Châu Minh Kh **07 (bảy) năm tù;** Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/5/2023 đến 13/9/2023.

2. Trách nhiệm dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Châu Minh Kh phải chịu 200.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ , án văn, Tòa hình sự;
- Lưu VT (TA:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Miến